

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **12** /2019/ HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 05 năm 2019
*V/v tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU- TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

Các hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Đoàn Hồng Lĩnh**

2- Ông **Thạch Hương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Tiểu My**– Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Trang Y**, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

Tạm trú: khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Bạc Liêu.

** Bị đơn:* Anh **Trần Nhật H**, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số D, khóm O, phường X, thành phố S, tỉnh Bạc Liêu.

Tạm trú: khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Y có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay chị Trang Y là nguyên đơn trong vụ án trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Nhật H tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2008 và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng kể từ năm 2017 đến nay vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi vã. Anh H không chăm lo gia đình và vợ con nên hiện nay tuy sống cùng nhà nhưng hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Trần Nhật H.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 01 con chung là cháu Trần Trang E, sinh ngày 11/02/2010 (hiện cháu E đang sống cùng chị Y và anh H). Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu E, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh H thống nhất tự thỏa thuận về vấn đề tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống chị và anh H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ kiện, anh Trần Nhật H là bị đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Trang Y chung sống với nhau bằng sự tự nguyện và mong muốn hạnh phúc. Trong quá trình chung sống hơn 10 năm chỉ có khoảng hơn 01 năm trở lại đây thì mới phát sinh mâu thuẫn do anh làm ăn gặp thất bại. Then chốt của sự bất đồng là do anh không có sự hỗ trợ cho vợ trong công việc nhà, không chia sẻ được tâm tư tình cảm với vợ. Tuy nhiên mâu thuẫn này thường xảy ra với mỗi gia đình nhất là lúc gặp khó khăn về kinh tế và có thể khắc phục được nên anh không đồng ý ly hôn với chị Y.

- Về con chung: Anh và chị Y có 01 con chung là cháu Trần Trang E, sinh ngày 11/02/2010 (hiện cháu E đang sống cùng anh H và chị Y), trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Y ly hôn thì anh đồng ý giao cháu E cho chị Y nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh và chị Y thống nhất tự thỏa thuận về vấn đề tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống anh và chị Y không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Chị Y và anh H chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị Y và anh H đều xác định có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2017. Nay chị Y xin ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn và không đến Tòa án tham dự các lần hòa giải cho thấy anh H không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Y xin ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Do cháu Trần Trang E, sinh ngày 11/02/2010 có ý kiến muốn sống với chị Y; chị Y và anh H cũng thống nhất giao cháu E cho chị Y nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu E cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

+ Về tài sản chung: Do chị Y và anh H xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

+ Về nợ chung: Không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khiE luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Trang Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Trần Nhật H nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh H, hiện đang tạm trú tại khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trần Nhật H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh H theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự là phù hợp.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Trang Y và anh Trần Nhật H tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị Y và anh H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị Y và anh H đều thống nhất xác định giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017 tuy nhiên từ năm 2017 cho đến suốt quá trình giải quyết vụ án anh H cũng không có bất cứ động thái nào để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Y và anh H là có xảy ra trên thực tế và không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y, xử cho chị Y được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Chị Y và anh H thống nhất xác định trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Trần Trang E, sinh ngày 11/02/2010 (hiện cháu E đang sống chị Y và anh H). Khi ly hôn chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng,

giáo dục cháu E. Anh H cũng đồng Y giao cháu E cho chị Y. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với Y kiến của cháu E tại biên bản ghi lời khai ngày 30/01/2019 nên có cơ sở giao cháu E cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Chị Y không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Y, anh H thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Y, anh H thống nhất xác định trong thời gian chung sống anh chị không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Y yêu cầu ly hôn với anh H nên chị Y phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Xử cho chị Trang Y được ly hôn với anh Trần Nhật H.

2/. Về con chung: Giao cháu Trần Trang E, sinh ngày 11/02/2010 cho chị Trang Y trực tiếp nuôi dưỡng (hiện nay cháu E đang sống cùng chị Y và anh H). Anh Trần Nhật H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Chị Trang Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung: Chị Y và anh H thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

4/. Về án phí: Chị Trang Y phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Y đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000045 ngày 27 tháng 09 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

5/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP Bạc Liêu;
- THA TP Bạc Liêu;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

đã ký

Tăng Trần Quỳnh Phương